

Số: 79 /QĐ-STC

Đồng Tháp, ngày 01 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021
của Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp; Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc sửa đổi Khoản 2, Điều 4 Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Thông báo số 190/TB-STC ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Sở Tài chính Thông báo thẩm định quyết toán ngân sách năm 2021;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chuyên môn, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Tài chính và công chức, viên chức Sở Tài chính chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng TC HCSN;
- Trang TTĐT Sở;
- Lưu VT, VP.



Nguyễn Văn Cả

Đơn vị: Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp

Chương: 418



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2021

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-STC ngày/...../2022 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: ngàn đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị	
					Văn phòng Sở	Trung tâm DVTC
1	2	3	4	5=4-3	6	
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
I	Số thu phí, lệ phí					
1	Lệ phí					
2	Phí					
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại					
1	Chi sự nghiệp					
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước					
1	Lệ phí					
2	Phí					
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	15.740.565	15.740.565		14.780.565	960.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	15.740.565	15.740.565		14.780.565	960.000
1	Chi quản lý hành chính	14.265.995	14.265.995		14.265.995	960.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	8.090.619	8.090.619		8.090.619	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	6.175.376	6.175.376		6.175.376	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ					
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	514.570	514.570		514.570	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	514.570	514.570		514.570	

4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
5	Chi bảo đảm xã hội					
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
6	Chi hoạt động kinh tế	960.000	960.000			960.000
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	960.000	960.000			960.000
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					